

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH THỦY  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 26-5-2021  
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia  
đình.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Phạm Thị Hồng**  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Thành Lâm**  
Ông **Đỗ Minh Thân**

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Trọng Tấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:** Ông Hoàng Tuấn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thái B**, sinh năm 1997.  
ĐKKHKT: Khu 1, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.  
Chỗ ở: Khu D, xã L, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.  
(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)  
- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1991;  
Địa chỉ: Khu 1, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án – Nguyên đơn chị Đỗ Thái B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Thành T ngày 07/02/2017, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, việc kết hôn là tự nguyện. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau trong suy nghĩ và lối sống. Đến tháng 3/2020, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị tại khu D, xã L, huyện Yên Lập để ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình

cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thành T.

Về con chung: Chị B xác định vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị B xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

\*Tòa án đã đến nơi anh T và gia đình bố mẹ đẻ của anh T sinh sống để làm việc, tuy nhiên thời điểm làm việc, anh T và bố mẹ đẻ của anh đều đi vắng, do vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh T và người thân. Đại diện khu dân cư cho biết: Anh T và bố mẹ đẻ của anh T vẫn cư trú và sinh sống thường xuyên tại khu 1, xã Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Thanh T đến làm việc và thông báo cho anh T đến tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên anh T đều vắng mặt không đến mặc dù Tòa án đã niêm yết công khai và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Qua xác minh tại Công an, Ủy ban nhân dân và Hội liên hiệp phụ nữ xã Đ, xác định: Chị Đỗ Thái B và anh Nguyễn Thành T kết hôn với nhau ngày 07/02/2017, đăng ký tại UBND xã Đ. Chị B và anh T đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu 1, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Quá trình vợ chồng chung sống giữa Chị B và anh T sau khi đăng ký kết hôn: Ban đầu thì hòa hợp nhưng sau đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị B và anh T không có con chung. Hiện Chị B đã về nhà bố mẹ đẻ của chị để ở tại xã L, huyện Yên Lập. Chị B, anh T không còn thực tế chung sống. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

*\* Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:*

-Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Chị B, xử cho Chị B được ly hôn anh T; Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Đương sự không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Chị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập, được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về thủ tục Tố tụng:**

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt thông báo các văn bản Tố tụng của Tòa án cho anh T theo đúng trình tự quy định của pháp luật, nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên anh T đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, kết quả thể hiện anh T vẫn sinh sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu 1, xã Đ, huyện Thanh

Thủy, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào quy định tại Khoản 1, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị B kết hôn với anh Nguyễn Thành T ngày 07/02/2017, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Chị B, anh T đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn thực tế chung sống. Nay Chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm hai bên đã hết, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của Chị B, xử cho Chị B được ly hôn anh T là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị B, anh T không có con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị B xác định không có và không yêu cầu. Do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên VKSND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thái B được ly hôn anh Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đỗ Thái B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000662 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo

quy định của pháp luật, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hồng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
PHIÊN TOÀ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ**

**Nguyễn Thành Lâm**

**Đỗ Minh Thân**

**Phạm Thị Hồng**